

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIỀN SƠN ĐỊA ỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06 - 39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0800819038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 29 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tòa nhà Việt Tiên Sơn, Yết Kiêu, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch	
Ông Trương Thanh Sơn	Thành viên	
Ông Dương Văn Điệp	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/02/2017
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/02/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Xô	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Thu Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23/02/2017
Ông Dương Minh Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/02/2017
Ông Nguyễn Trương Khôi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/02/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;

Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc

Tòa nhà Việt Tiên Sơn, Yết Kiêu, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trương Thanh Sơn

Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 05 tháng 06 năm 2017.



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
		VND	(Trình bày lại) VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		119.019.823.708	124.700.351.111
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.481.873.878	14.587.846.318
111 1. Tiền		7.451.373.878	14.557.346.318
112 2. Các khoản tương đương tiền		3.030.500.000	30.500.000
130 II. Các khoản phải thu ngắn hạn		68.294.281.904	74.509.734.604
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	23.498.755.456	23.993.882.690
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	23.019.921.753	12.047.368.455
135 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	9.835.000.000
136 4. Phải thu ngắn hạn khác	6	21.775.604.695	28.633.483.459
140 III. Hàng tồn kho	7	32.503.727.685	27.994.126.938
141 1. Hàng tồn kho		32.503.727.685	27.994.126.938
150 IV. Tài sản ngắn hạn khác		7.739.940.241	7.608.643.251
152 1. Thuế GTGT được khấu trừ		6.890.981.061	7.608.643.251
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	848.959.180	-
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		231.513.616.974	245.221.485.262
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		68.340.000.000	75.509.604.000
216 1. Phải thu dài hạn khác	6	68.340.000.000	75.509.604.000
220 II. Tài sản cố định		40.063.095.724	41.361.118.008
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	38.617.555.092	39.529.719.107
222 - Nguyên giá		45.559.651.438	45.049.241.271
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(6.942.096.346)	(5.519.522.164)
227 2. Tài sản cố định vô hình	10	1.445.540.632	1.831.398.901
228 - Nguyên giá		1.797.714.000	1.983.035.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(352.173.368)	(151.636.099)
230 III. Bất động sản đầu tư	11	4.226.716.432	4.261.138.280
231 - Nguyên giá		4.883.231.474	4.883.231.474
232 - Giá trị hao mòn lũy kế		(656.515.042)	(622.093.194)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	116.845.580.173	122.120.340.942
241 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		116.830.580.173	122.120.340.942
242 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.000.000	-
260 V. Tài sản dài hạn khác		2.038.224.645	1.969.284.032
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.038.224.645	1.969.284.032
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		350.533.440.682	369.921.836.373

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
		VND	(Trình bày lại) VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		196.604.485.359	212.609.381.372
310 I. Nợ ngắn hạn		128.854.383.087	57.548.274.875
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	6.807.012.617	8.935.188.872
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	891.460.000	6.660.044.780
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.243.359.814	3.288.476.221
315 4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	140.385.332	-
318 5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	124.268.687	124.268.687
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.500.000.000	6.581.451.600
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	114.147.896.637	31.958.844.715
330 II. Nợ dài hạn		67.750.102.272	155.061.106.497
332 1. Người mua trả tiền trước dài hạn	15	47.506.696.601	48.014.146.601
333 2. Chi phí phải trả dài hạn	17	15.226.789.937	12.892.802.740
336 3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	5.016.615.734	4.952.818.656
338 4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	-	89.201.338.500
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		153.928.955.323	157.312.455.001
410 I. Vốn chủ sở hữu	20	153.928.955.323	157.312.455.001
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		125.000.000.000	125.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		125.000.000.000	125.000.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.268.138.747	14.643.867.767
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.143.867.767	48.691.115
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		8.124.270.980	14.595.176.652
429 3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		18.660.816.576	17.668.587.234
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		350.533.440.682	369.921.836.373

Nguyễn Thị Tư

Người lập biểu

Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Tuấn Anh

Kế toán trưởng

Trương Thanh Sơn

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	84.049.130.343	32.863.713.849
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		84.049.130.343	32.863.713.849
11	3. Giá vốn hàng bán	23	64.655.589.678	31.513.529.570
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.393.540.665	1.350.184.279
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24	152.684.680	4.983.856.399
22	6. Chi phí tài chính		1.411.868.511	12.544.941
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.411.683.212	12.544.941
25	7. Chi phí bán hàng	25	106.439.499	1.655.000
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.840.584.430	2.166.426.406
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.187.332.905	4.153.414.331
31	10. Thu nhập khác		1.090.908	-
32	11. Chi phí khác		432.844.093	-
40	12. Lợi nhuận khác		(431.753.185)	-
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.755.579.720	4.153.414.331
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	2.685.079.398	830.682.867
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>10.070.500.322</u>	<u>3.322.731.464</u>
61	16. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		8.124.270.980	3.057.770.310
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.946.229.342	264.961.154
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28		789


Nguyễn Thị Tư
Người lập biểu

Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Trương Thanh Sơn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.755.579.720	4.153.414.331
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.661.876.760	574.435.334
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(152.425.798)	(4.983.856.399)
06	- Chi phí lãi vay		1.411.683.212	12.544.941
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.676.713.894	(243.461.793)
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		4.259.873.780	(20.809.800.283)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		780.160.022	(3.127.570.774)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả		(8.636.192.702)	(3.797.915.662)
	- (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		232.036.926	(170.356.347)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.391.297.880)	(12.544.941)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.893.099.643)	(167.813.332)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.028.194.397	(28.329.463.132)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(645.410.167)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.200.000.000)	(2.653.334.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		21.035.000.000	33.126.706.704
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		142.529.908	4.983.856.399
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.332.119.741	35.457.229.103
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	40.000.000.000
33	2. Tiền thu đi vay		23.731.638.137	45.096.630.887
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(30.743.924.715)	(90.764.252.405)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.454.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(20.466.286.578)	(5.667.621.518)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.105.972.440)	1.460.144.453

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU

Thuyết
minh

6 tháng đầu
năm 2017
VND

6 tháng đầu
năm 2016
VND

60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ

14.587.846.318

21.418.027.516

70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ

3

10.481.873.878

22.878.171.969



Nguyễn Thị Tư

Người lập biểu

Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Trương Thanh Sơn

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0800819038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 29 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tòa nhà Việt Tiên Sơn, Yết Kiêu, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là: 125.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, kinh doanh bất động sản và buôn bán hàng hóa.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, Giao dịch, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, mua và môi giới bất động sản;
- San lấp mặt bằng công trình;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng và các hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh thực phẩm đông lạnh, hạt nhựa.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Trong kỳ, Công ty con là Công ty Cổ phần Việt Tâm Doanh đầy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại thịt đông lạnh và máy móc thiết bị, do đó các chỉ tiêu doanh thu, lãi gộp và lợi nhuận đều tăng cao so với kỳ trước. Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh kỳ này còn bao gồm kết quả hoạt động của Công ty con là Công ty Cổ phần Đông Nam Dược Nguyễn Thiệu, do Công ty con này được mua vào 06 tháng cuối năm 2016 nên tăng mạnh so với cuối kỳ trước.

Cấu trúc Công ty

Tổng số các công ty con:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03.
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hồng Hưng	Hải Dương	83,33%	83,33%	Dịch vụ lữ hành Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Việt Tâm Doanh	Hải Dương	80,00%	80,00%	Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
Công ty Cổ phần Đông Nam Dược Nguyễn Thiệu	Hải Dương	88,83%	88,83%	Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu và hoạt động y tế khác

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho đối với hàng hóa là máy móc thiết bị, thực phẩm đông lạnh bán theo lô được xác định theo phương pháp thực tế đích danh, hàng tồn kho là nguyên vật liệu đông nam được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập, các loại hàng hóa khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Cây lâu năm	03 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	05 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Cơ sở hạ tầng	48 năm
-----------------	--------

2.9 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty thực hiện trích trước giá vốn theo dự toán đã được phê duyệt và điều chỉnh theo các chi phí phát sinh thực tế đối với diện tích đất nền đã đủ điều kiện doanh thu tuy nhiên chưa ghi nhận đủ chi phí phát sinh.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng trả tiền thuê mặt bằng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3.055.597.269	2.446.030.116
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.395.776.609	12.111.316.202
Các khoản tương đương tiền	3.030.500.000	30.500.000
	<u>10.481.873.878</u>	<u>14.587.846.318</u>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương với lãi suất 4,3%/ năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH MTV Hà Thành - Chi nhánh Quảng Ninh	-	2.983.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hợp tác đầu tư An Bình	4.394.388.000	7.198.067.260
Công ty TNHH MTV Lộc Nguyên Phan	-	6.217.666.030
Công ty TNHH Thuận Tiến	-	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu tổng hợp Tre Xanh	4.932.229.500	-
Công ty TNHH Hiền Khánh	2.786.600.000	-
Công ty cổ phần In và Bao bì	3.170.000.000	-
Các đối tượng khác	8.215.537.956	3.095.149.400
	23.498.755.456	23.993.882.690
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.619.682.584	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>		

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Hoàn Hảo	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty MT Handel Sgesellschaft Mbh	4.008.652.000	-	2.408.377.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Đông Á	2.885.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	14.126.269.753	-	7.638.991.455	-
	23.019.921.753	-	12.047.368.455	-

6 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	21.765.584.499	-	28.633.483.459	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	9.895.890	-	-	-
Phải thu khác	124.306	-	-	-
	21.775.604.695	-	28.633.483.459	-

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	590.000.000	-	550.000.000	-
Phải thu khác	67.750.000.000	-	74.959.604.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thành Đông (i)	20.500.000.000	-	20.500.000.000	-
- Công ty CP Việt Tiên Sơn (ii)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Trung Đông (iii)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Tân Dương (iv)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ An Thành Phát (v)	3.250.000.000	-	10.459.604.000	-
- Công ty Cổ Phần Mạnh Dũng (vi)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
	68.340.000.000	-	75.509.604.000	-

(i) Khoản tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác liên danh số 01/TTLD/TĐ-VTS và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-VTS ngày 08/07/2011 cùng với Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thành Đông về việc Đầu tư Dự án Xây dựng khu đô thị mới Thành Đông - Sao Đỏ. Cụ thể:

- Hai bên hợp tác cùng nhận chuyển nhượng khoảng 105ha một phần của Dự án KCN Cộng Hòa - Chí Linh và trình các cơ quan có thẩm quyền để chuyển đổi mục đích sử dụng thành khu đô thị mới.
- Hai bên thành lập Liên danh để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư của Dự án, sau khi hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, các bên của Liên danh sẽ ký hợp đồng hợp tác kinh doanh và thành lập Ban quản lý Dự án để điều hành thực hiện Dự án.
- Tỷ lệ góp vốn theo thỏa thuận của liên danh như sau: Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Đông: 51%, Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc: 49%.

Dự án vẫn đang trong quá trình nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Dự án KCN Cộng Hòa - Chí Linh và đang thực hiện các thủ tục cần thiết để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

(ii) Góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng 711.2/2016/HDHT/VDT-VTS ngày 10/11/2016 giữa Công ty Cổ phần Việt Tâm Doanh (Bên A) và Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn (Bên B) để đầu tư hợp tác triển khai thực hiện Dự án xây dựng nhà máy xử lý phế thải chăn nuôi thành phân hữu cơ và sản xuất hạt nhựa do Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn làm chủ đầu tư. Tổng mức đầu tư của dự án là 33.459.000.000 VND Thời hạn hợp tác kinh doanh là 60 tháng bắt đầu từ thời điểm dự án nhận được đăng ký kinh doanh lần đầu tiên. Bên A góp vốn với số tiền là 5.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 15%, Bên B góp vốn với số tiền 28.459.000.000 VND chiếm tỷ lệ 85%. Hiện tại, dự án đã được Ủy Ban nhân dân tỉnh chấp thuận theo Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 05/04/2017. Dự án dự kiến sẽ bắt đầu được xây dựng từ quý 3/2017. Vào thời điểm cuối cùng của thời hạn hợp đồng, các bên sẽ phân chia lợi nhuận và rủi ro là khoản lỗ theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

(iii) Góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng 711.2/2016/HDHT/VDT-TD ngày 20/11/2016 giữa Công ty Cổ phần Việt Tâm Doanh (Bên A) và Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Trung Đông (Bên B) để đầu tư hợp tác triển khai thực hiện Dự án nhập khẩu máy móc thiết bị sản xuất phục vụ kinh doanh do Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Trung Đông làm chủ đầu tư. Tổng mức đầu tư của Dự án là 64.132.500.000 VND. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 24 tháng bắt đầu từ thời điểm đầu tư. Bên A góp vốn với số tiền là 14.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 22%, Bên B góp vốn với số tiền 50.132.500.000 VND chiếm tỷ lệ là 78%. Vào thời điểm cuối cùng của thời hạn hợp đồng, các bên phân chia lợi nhuận và rủi ro là khoản lỗ theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

(iv) Khoản tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0511/2016/HDHT/HH-TD ngày 10/11/16 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hưng (Bên A) và Công ty TNHH MTV Tân Dương (Bên B) đầu tư hợp tác triển khai thực hiện Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị, thi công Công trình xây dựng do Công ty TNHH MTV Tân Dương là Chủ đầu tư. Tổng mức đầu tư của Dự án: 55.000.000.000 đồng. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 36 tháng bắt đầu từ 10/11/2016 đến 10/11/2019. Bên A góp vốn với số tiền là 10.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 18%, Bên B góp vốn với số tiền 45.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ là 72%. Vào thời điểm cuối cùng của thời hạn hợp đồng các bên phân chia lợi nhuận và rủi ro là khoản lỗ theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

(v) Khoản tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0411/2016/HDHT/HH-ATP ngày 10/11/2016 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hưng (Bên A) và Công ty TNHH MTV TM và DV An Thành Phát (Bên B) đầu tư hợp tác triển khai thực hiện Dự án đầu tư mua sắm thiết bị thi công Công trình xây dựng do Công ty TNHH MTV TM và DV An Thành Phát là Chủ đầu tư. Tổng mức đầu tư của Dự án: 15.000.000.000 đồng. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 36 tháng bắt đầu từ 10/11/2016 đến 10/11/2019. Bên A góp vốn với số tiền là 3.250.000.000 VND chiếm tỷ lệ 22%, Bên B góp vốn với số tiền 11.750.000.000 VND chiếm tỷ lệ là 77%. Vào thời điểm cuối cùng của thời hạn hợp đồng, các bên phân chia lợi nhuận và rủi ro là khoản lỗ theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

(vi) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2016/HDHT/HH-MD ngày 1/11/16 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hưng (Bên A) và Công ty Cổ phần Mạnh Dũng (Bên B) đầu tư hợp tác triển khai thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất gạch chịu lửa do Công ty Cổ phần Mạnh Dũng là Chủ đầu tư. Tổng mức đầu tư của Dự án: 65.010.751.000 đồng. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 60 tháng bắt đầu từ 01/11/2016 đến 01/11/2021. Bên A góp vốn với số tiền là 15.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 23%, Bên B góp vốn với số tiền 50.010.751.000 VND chiếm tỷ lệ là 77%. Dự án đã được UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 25/4/2017. Dự án đang thực hiện đầu tư dây chuyền, thiết bị. Vào thời điểm cuối cùng của thời hạn hợp đồng các bên phân chia lợi nhuận và rủi ro là khoản lỗ theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.056.265.937	-	709.509.474	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	334.668.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	599.090.618	-	1.867.216.810	-
Hàng hóa	28.848.371.130	-	25.082.732.654	-
	32.503.727.685	-	27.994.126.938	-

8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Âu Cơ	617.659.514	617.659.514	617.659.514	617.659.514
Dự án Yết Kiêu (i)	100.782.126.553	100.782.126.553	100.582.531.886	100.582.531.886
Dự án Côn Sơn (ii)	1.955.403.727	1.955.403.727	1.679.878.613	1.679.878.613
Dự án Tuệ Tĩnh (ii)	367.715.457	367.715.457	367.715.457	367.715.457
Dự án Thành Đông	-	-	10.245.000	10.245.000
Dự án Hoa Lạc Viên (ii)	505.428.564	505.428.564	458.328.564	458.328.564
Dự án Đồi Ngô	-	-	97.066.000	97.066.000
Dự án Việt Hòa (iii)	12.589.441.358	12.589.441.358	18.306.915.908	18.306.915.908
Các dự án khác	12.805.000	12.805.000	-	-
	116.830.580.173	116.830.580.173	122.120.340.942	122.120.340.942

(i) Dự án Đầu tư Xây dựng Khu dân cư phía Đông đường Yết Kiêu, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Dự án triển khai trên diện tích 199.599 m², tổng mức đầu tư dự kiến là 260,2 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thiện một phần hạ tầng kỹ thuật, và đang giải quyết giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại. Chi phí đã tập hợp của Dự án chưa bao gồm các nghĩa vụ tài chính về đất đai. Dự án triển khai từ năm 2010 và thời gian hoàn thành Dự án đã được gia hạn đến 31/12/2018.

(ii) Các dự án đã được phê duyệt quy hoạch đầu tư chi tiết 1/500 tuy nhiên Công ty chưa được cấp phép đầu tư. Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư Dự án, các chi phí đã phát sinh là các chi phí liên quan đến công tác lập hồ sơ, cấp giấy chứng nhận đầu tư. Cụ thể như sau:

- Dự án đầu tư Cụm du lịch biệt thự nhà vườn Côn Sơn - Kiếp Bạc tại phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương trên diện tích được phê duyệt quy hoạch là 906.800 m²;
- Dự án Công viên nghĩa trang Hoa Lạc viên trên địa bàn thị xã Chí Linh. Tổng diện tích quy hoạch là 158.860 m²;
- Dự án phát triển khu dân cư Tuệ Tĩnh, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương. Công ty đã được UBND Tỉnh Hải Dương chấp thuận là chủ đầu tư của dự án, tuy nhiên chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Dự án đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và Công ty đang tiếp tục chỉnh sửa quy hoạch theo ý kiến của các cơ quan có liên quan.

(iii) Dự án Đầu tư xây dựng khu chung cư và nhà ở tại phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương. Dự án triển khai trên diện tích 63.466m², tổng mức đầu tư dự kiến là 986,66 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thiện phần lớn phần hạ tầng kỹ thuật. Dự án triển khai từ năm 2014 và thời gian hoàn thành Dự án đã được gia hạn đến 31/12/2018.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xưởng sản xuất thuốc đông nam dược Nguyễn Thiệu - Hạng mục:	15.000.000	-
Phòng cháy chữa cháy và chống sét (i)		
	<u>15.000.000</u>	<u>-</u>

(i) Đây là giá trị khối lượng hoàn thành công việc "Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán" thuộc hạng mục phòng cháy chữa cháy và chống sét cho công trình Xưởng sản xuất thuốc đông nam dược Nguyễn Thiệu. Công trình Xưởng sản xuất thuốc Đông nam dược Nguyễn Thiệu có giá trị tổng đầu tư là 26,6 tỷ được khởi công vào tháng 2 năm 2016, các hạng mục chính đã hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2016. Dự kiến toàn bộ công trình sẽ hoàn thành, đưa vào sử dụng vào cuối năm 2017.

Y
TU HA
TO A
C
TP. V

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	41.712.319.695	1.132.493.100	1.574.213.364	630.215.112	-	45.049.241.271
- Mua trong kỳ	-	45.909.091	-	-	-	45.909.091
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	584.501.076	-	-	-	584.501.076
- Phân loại lại	(5.479.042.000)	(354.519.555)	-	3.023.561.555	2.810.000.000	-
- Giảm khác	(120.000.000)	-	-	-	-	(120.000.000)
Số dư cuối kỳ	36.113.277.695	1.408.383.712	1.574.213.364	3.653.776.667	2.810.000.000	45.559.651.438
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	3.115.640.241	865.787.944	1.070.919.854	467.174.125	-	5.519.522.164
- Khấu hao trong kỳ	768.121.210	91.007.896	78.710.668	250.567.741	234.166.667	1.422.574.182
- Phân loại lại	-	(343.196.136)	-	343.196.136	-	-
Số dư cuối kỳ	3.883.761.451	613.599.704	1.149.630.522	1.060.938.002	234.166.667	6.942.096.346
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	38.596.679.454	266.705.156	503.293.510	163.040.987	-	39.529.719.107
Tại ngày cuối kỳ	32.229.516.244	794.784.008	424.582.842	2.592.838.665	2.575.833.333	38.617.555.092

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 408.555.918 VND.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Website VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	1.907.535.000	75.500.000	1.983.035.000
- Giảm khác	(185.321.000)	-	(185.321.000)
Số dư cuối kỳ	1.722.214.000	75.500.000	1.797.714.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	76.136.099	75.500.000	151.636.099
- Khấu hao trong kỳ	204.880.730	-	204.880.730
- Giảm khác	(4.343.461)	-	(4.343.461)
Số dư cuối kỳ	276.673.368	75.500.000	352.173.368
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	1.831.398.901	-	1.831.398.901
Tại ngày cuối kỳ	1.445.540.632	-	1.445.540.632

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 75.500.000 VND.

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tài sản gắn liền trên đất của Trung tâm mua sắm thị trấn Sao Đỏ với tổng diện tích là 4.642 m2, tổng nguyên giá là: 4.883.231.474 VND. Thời gian sử dụng 48 năm. Khấu hao trong kỳ và khấu hao lũy kế đến thời điểm 30/06/2017 lần lượt là 34.421.848 VND và 656.515.042 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Cây cảnh, cây xanh trang trí	563.250.000	567.900.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	748.881.928	106.791.221
Chi phí bảo dưỡng	258.479.766	325.336.093
Chi phí sửa chữa văn phòng, trung tâm thương mại	110.258.713	135.422.349
Chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất	178.805.809	-
Chi phí lãi vay chờ phân bổ	-	740.515.372
Các khoản khác	178.548.429	93.318.997
	2.038.224.645	1.969.284.032

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương (i)	18.458.844.715	18.458.844.715	23.731.638.137	18.458.844.715	23.731.638.137	23.731.638.137
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn (ii)	13.500.000.000	13.500.000.000	-	3.661.730.000	9.838.270.000	9.838.270.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	80.577.988.500	-	80.577.988.500	80.577.988.500
	<u>31.958.844.715</u>	<u>31.958.844.715</u>	<u>104.309.626.637</u>	<u>22.120.574.715</u>	<u>114.147.896.637</u>	<u>114.147.896.637</u>
b) Vay dài hạn						
Vay cá nhân (iii)	89.201.338.500	89.201.338.500	-	8.623.350.000	80.577.988.500	80.577.988.500
	-	-	-	-	-	-
	<u>89.201.338.500</u>	<u>89.201.338.500</u>	<u>-</u>	<u>8.623.350.000</u>	<u>80.577.988.500</u>	<u>80.577.988.500</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(80.577.988.500)	-	(80.577.988.500)	(80.577.988.500)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>89.201.338.500</u>	<u>89.201.338.500</u>			<u>-</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương bao gồm các hợp đồng sau:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/4675970/HĐTD ngày 29/06/2017 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc với hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng, bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi, mục đích để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,5%/năm. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B631007 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 03/02/2010. Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2017 là 4.106.850.000 VND;
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/4770732/HĐTD ngày 08/03/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần Việt Tâm Doanh với hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên thứ 3 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/4770732/HĐTC ngày 26/11/2014 (Toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất số BG955347 ngày 02/11/2012). Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2017 là 19.624.788.137 VND;

(ii) Khoản vay theo các hợp đồng vay giữa Công ty Cổ phần Hồng Hưng và Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn có thời hạn 12 tháng. Mục đích khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất khoản vay tính theo lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Bắc Hải Dương cùng thời điểm tính từ ngày nhận tiền vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư khoản vay tại 30/06/2017 là: 9.838.270.000 VND.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(iii) Các khoản vay các nhân với mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, lãi suất 0%, không có tài sản đảm bảo. Trong trường hợp các cá nhân này có nhu cầu mua nhà đất tại các dự án của Công ty tại tỉnh Hải Dương, hợp đồng vay sẽ được thanh lý và chuyển khoản tiền vay sang thực hiện các hợp đồng mua bán nhà đất khi dự án đạt tiến độ theo quy định. Thời hạn các khoản vay này được gia hạn đến 30/06/2018.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Xuất nhập khẩu Á Châu	-	-	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty CP Mạnh Dũng	-	-	2.095.434.000	2.095.434.000
Công ty TNHH Thương Mại và Chế biến Lâm Sản Hải Hà	-	-	1.007.766.500	1.007.766.500
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn	4.022.368.283	4.022.368.283	-	-
Các đối tượng khác	2.784.644.334	2.784.644.334	3.431.988.372	3.431.988.372
	6.807.012.617	6.807.012.617	8.935.188.872	8.935.188.872
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	4.022.368.283	4.022.368.283	-	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>				

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH Nam Hà	-	1.425.760.000
Công ty CP Phát triển 117	70.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH Tùng Bảo Lâm	-	2.000.000.000
Các đối tượng khác	821.460.000	734.284.780
	891.460.000	6.660.044.780
b) Dài hạn		
Người mua trả tiền trước - Dự án Yết Kiêu	47.506.696.601	48.014.146.601
	47.506.696.601	48.014.146.601

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	228.454.988	6.993.392.161	6.662.306.503	-	559.540.646
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	233.168.900	233.168.900	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.060.021.233	2.685.079.398	3.893.099.643	831.218.180	2.683.219.168
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	674.000.000	673.400.000	-	600.000
Thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	64.143.000	81.884.000	17.741.000	-
	-	3.288.476.221	10.652.783.459	11.546.859.046	848.959.180	3.243.359.814

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	20.385.332	-
Trích trước tiền thuê văn phòng phải trả	120.000.000	-
	140.385.332	-
b) Dài hạn		
Trích trước giá vốn dự án Việt Hòa (*)	15.226.789.937	12.892.802.740
	15.226.789.937	12.892.802.740

(*) Trích trước chi phí phải trả dự án Việt Hòa dựa trên dự toán của các hạng mục chưa thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang, tương ứng với diện tích đất nền đã bán.

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.500.000.000	6.581.451.600
- Ông Bùi Thanh Tùng (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Hoàn Hảo (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty CP Việt Tiên Sơn	-	3.081.451.600
	3.500.000.000	6.581.451.600

(*) Phải trả về việc nhận ủy quyền thu hộ tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Thịnh Phát từ Ông Bùi Thanh Tùng và Công ty TNHH Hoàn Hảo.

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng - Trung tâm mua sắm Sao Đỏ	124.268.687	124.268.687
	124.268.687	124.268.687
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng - Trung tâm mua sắm Sao Đỏ	5.016.615.734	4.952.818.656
	5.016.615.734	4.952.818.656

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	10.000.000.000	430.915.593	13.821.732.605	24.252.648.198
Tăng vốn trong kỳ trước	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	3.057.770.310	264.961.154	3.322.731.464
Số dư cuối kỳ trước	50.000.000.000	3.488.685.903	14.086.693.759	67.575.379.662
Số dư đầu kỳ này	125.000.000.000	14.643.867.767	17.668.587.234	157.312.455.001
Lãi trong kỳ này	-	8.124.270.980	1.946.229.342	10.070.500.322
Phân phối lợi nhuận	-	(12.500.000.000)	(954.000.000)	(13.454.000.000)
Số dư cuối kỳ này	125.000.000.000	10.268.138.747	18.660.816.576	153.928.955.323

(*) Căn cứ theo các phương án phát hành tăng vốn điều lệ số 01/TTr/2016/ĐHĐCĐ-PA.VTS.DO ngày 25/01/2016, số 02/TTr/2016/ĐHĐCĐ-PA.VTS.DO ngày 08/08/2016 và số 25/2016/PA-VTS.DO ngày 25/11/2016, Công ty dự kiến tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, chi trả công nợ cho các nhà cung cấp, mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Đông Nam Dược Nguyễn Thiệu và góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Việt Tâm Doanh, Công ty Cổ phần Hồng Hưng với tổng số vốn tăng thêm là 100 tỷ đồng. Vốn cổ phần phát hành thêm cho các cổ đông hiện hữu, trong năm 2016, Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn và sử dụng vốn đã huy động theo đúng mục đích sử dụng trong kế hoạch.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 2302-2/2017/NQ/ĐHĐCĐ-VTSR ngày 23/02/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất	14.300.994.424
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.000VND)	12.500.000.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017 VND	Tỷ lệ %	01/01/2017 VND	Tỷ lệ %
Nguyễn Thanh Hải	36.250.000.000	29,00	87.500.000.000	70,00
Dương Văn Điệp	5.000.000.000	4,00	7.500.000.000	6,00
Trương Thanh Sơn	12.500.000.000	10,00	30.000.000.000	24,00
Các cổ đông khác	71.250.000.000	57,00	-	-
	125.000.000.000	100,00	125.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	125.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	40.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	125.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.500.000.000	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
USD	374,86	398,58

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	59.292.627.414	24.100.014.699
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.221.890.980	546.676.364
Doanh thu hoạt động xây lắp	3.369.482.727	-
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	12.267.925.000	8.156.361.273
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	85.752.422	60.661.513
Doanh thu chẩn trị bệnh và kinh doanh thuốc y học cổ truyền	6.811.451.800	-
	84.049.130.343	32.863.713.849
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	300.004.888	-

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	46.726.316.629	23.558.936.322
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.028.444.145	445.092.453
Giá vốn hoạt động xây lắp	3.064.508.127	-
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	8.857.674.061	7.475.078.947
Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	53.073.985	34.421.848
Giá vốn chẩn trị bệnh và kinh doanh thuốc y học cổ truyền	3.925.572.731	-
	64.655.589.678	31.513.529.570

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	152.425.798	4.983.856.399
Lãi chênh lệch tỷ giá	258.882	-
	152.684.680	4.983.856.399

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nhân công	106.129.499	-
Chi phí khác bằng tiền	310.000	1.655.000
	106.439.499	1.655.000

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	231.656.348	19.959.071
Chi phí nhân công	1.815.789.240	1.103.661.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.282.474.684	540.013.486
Thuế, phí và lệ phí	79.937.251	18.503.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	483.608.643	46.923.876
Chi phí khác bằng tiền	947.118.264	437.364.646
	4.840.584.430	2.166.426.406

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc	-	668.843.467
Công ty Cổ phần Hồng Hưng	625.388.421	87.832.551
Công ty Cổ phần Việt Tâm Doanh	1.724.457.808	74.006.849
Công ty Cổ phần Đông Nam Dược Nguyễn Thiệu	335.233.169	-
	2.685.079.398	830.682.867

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.124.270.980	3.057.770.310
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.124.270.980	3.057.770.310
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.500.000	3.874.144
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	650	789

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.258.189.212	3.544.035.071
Chi phí nhân công	2.667.065.973	1.804.025.337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.475.648.167	574.435.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.397.457.396	2.316.256.691
Chi phí khác bằng tiền	4.617.115.269	1.202.175.930
	16.415.476.017	9.440.928.363

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.481.873.878	-	14.587.846.318	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	113.614.360.151	-	128.136.970.149	-
Các khoản cho vay	-	-	9.835.000.000	-
	124.096.234.029	-	152.559.816.467	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	114.147.896.637	121.160.183.215
Phải trả người bán, phải trả khác	10.307.012.617	15.516.640.472
Chi phí phải trả	15.367.175.269	12.892.802.740
	139.822.084.523	149.569.626.427

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và tương đương tiền	10.481.873.878	-	-	10.481.873.878
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.274.360.151	68.340.000.000	-	113.614.360.151
	<u>55.756.234.029</u>	<u>68.340.000.000</u>	<u>-</u>	<u>124.096.234.029</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và tương đương tiền	14.587.846.318	-	-	14.587.846.318
Phải thu khách hàng, phải thu khác	52.627.366.149	75.509.604.000	-	128.136.970.149
Các khoản cho vay	9.835.000.000	-	-	9.835.000.000
	<u>77.050.212.467</u>	<u>75.509.604.000</u>	<u>-</u>	<u>152.559.816.467</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	114.147.896.637	-	-	114.147.896.637
Phải trả người bán, phải trả khác	10.307.012.617	-	-	10.307.012.617
Chi phí phải trả	140.385.332	15.226.789.937	-	15.367.175.269
	<u>124.595.294.586</u>	<u>15.226.789.937</u>	<u>-</u>	<u>139.822.084.523</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	31.958.844.715	89.201.338.500	-	121.160.183.215
Phải trả người bán, phải trả khác	15.516.640.472	-	-	15.516.640.472
Chi phí phải trả	-	12.892.802.740	-	12.892.802.740
	<u>47.475.485.187</u>	<u>102.094.141.240</u>	<u>-</u>	<u>149.569.626.427</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	23.731.638.137	45.096.630.887

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	30.743.924.715	90.764.252.405

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Bán hàng VND	Cung cấp dịch vụ VND	Xây lắp VND	Kinh doanh bất động sản VND	Kinh doanh bất động sản đầu tư VND	Chẩn trị và kinh doanh thuốc cổ truyền VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	59.292.627.414	2.221.890.980	3.369.482.727	12.267.925.000	85.752.422	6.811.451.800	84.049.130.343
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.566.310.785	193.446.835	304.974.600	3.410.250.939	32.678.437	2.885.879.069	19.393.540.665
Tổng chi phí mua TSCĐ				-			645.410.167
Tài sản bộ phận	91.734.638.316	3.041.493.584	3.701.218.107	5.672.257.064	185.692.432.295	37.991.735.745	327.833.775.111
Tài sản không phân bổ				-			22.699.665.571
Tổng tài sản	91.734.638.316	3.041.493.584	3.701.218.107	5.672.257.064	185.692.432.295	37.991.735.745	350.533.440.682
Nợ phải trả của các bộ phận	31.558.441.131	929.636.160	59.854.600	5.140.884.421	155.237.115.118	567.108.096	193.493.039.526
Nợ phải trả không phân bổ				-			3.111.445.833
Tổng nợ phải trả	31.558.441.131	929.636.160	59.854.600	5.140.884.421	155.237.115.118	567.108.096	196.604.485.359

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc
Công ty TNHH MTV Tân Dương	Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Tân Dương là Ủy viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Dương Văn Điệp	Thành viên HĐQT
Ông Trương Thanh Sơn	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng		
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn	300.004.888	-
Đi vay		
Ông Trương Thanh Sơn	-	2.570.661.250
Trả nợ gốc vay		
Ông Trương Thanh Sơn	-	15.617.947.091
Ông Nguyễn Thanh Hải	-	11.415.832.712

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn	1.619.682.584	-
Phải thu về cho vay		
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn	-	3.665.000.000
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Tân Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn	5.000.000.000	6.100.000.000
Tạm ứng		
Ông Dương Văn Điệp	607.571.500	6.317.000.000
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn	4.022.368.283	-
Vay		
Ông Trương Thanh Sơn	-	2.620.661.250
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn	9.838.270.000	13.500.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	360.000.000	105.000.000

35 . SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 chưa được soát xét.

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này:

	Mã số	Trình bày lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND	Chênh lệch VND
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất				
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9.835.000.000	8.735.000.000	1.100.000.000
- Các khoản phải thu khác	136	28.633.483.459	29.733.483.459	(1.100.000.000)
- Hàng tồn kho	141	27.994.126.938	26.126.910.128	1.867.216.810
- Chi phí sản xuất dính doanh dở dang dài hạn	241	122.120.340.942	111.094.755.012	11.025.585.930
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	124.268.687	-	124.268.687
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.581.451.600	-	6.581.451.600
- Người mua trả tiền trước dài hạn	332	48.014.146.601	-	48.014.146.601
- Chi phí phải trả dài hạn	333	12.892.802.740	-	12.892.802.740
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.952.818.656	53.091.233.944	(48.138.415.288)
- Phải trả dài hạn khác	337	-	6.581.451.600	(6.581.451.600)



Nguyễn Thị Tư

Người lập biểu

Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Trương Thanh Sơn

Tổng Giám đốc